

Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ

P, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lù Thị S**, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn S, xã B, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Hà Trung K**, sinh năm 1996; Địa chỉ: khu H, xã Đ, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lù Thị S và anh Hà Trung K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lù Thị S và anh Hà Trung K thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Phúc K1, sinh ngày 18/7/2021. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị S.

Khi ly hôn chị S và anh K thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Phúc K1 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động tự túc được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị S do chị S không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị S và anh K thống nhất xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lù Thị S tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000248 ngày 14/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - P. Trả lại cho chị S số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- P;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - P;
- UBND xã Đ, tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng